

# VÀI NÉT VỀ THU NHẬP VÀ MỨC SỐNG CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TRÊN THẾ GIỚI

TS. Nguyễn Thị Kim Hoa

*Khoa Xã hội học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*

Trong bản Tuyên ngôn Toàn cầu, điều thứ 25 qui định: "Tất cả mọi người đều có quyền có mức sống đầy đủ về sức khoẻ và phúc lợi của bản thân cũng như gia đình bao gồm lương thực, quần áo, nhà ở, chăm sóc y tế, các dịch vụ xã hội thiết yếu và quyền được bảo vệ trong các trường hợp thất nghiệp, ốm đau, tàn tật, goá bụa, tuổi già hay thiếu thốn về sinh kế trong những hoàn cảnh ngoài tầm kiểm soát của họ"<sup>1</sup>.

Tổng Thư ký Liên hợp quốc Annan đã phát biểu tại Hội nghị toàn cầu lần thứ II về Già hoá: *Già hoá không còn chỉ là vấn đề của thế giới thứ nhất. Những gì thuộc về phần cuối cùng của thế kỷ XX đang trở thành đề tài vượt trội trong thế kỷ XXI*".

"Chúng ta cần phải xác định rằng nhiều người cao tuổi (NCT) với học thức tốt hơn, sống thọ hơn và duy trì được sức khoẻ tốt hơn, những NCT có thể và thực sự đang đóng góp cho xã hội lớn hơn bất cứ thời kỳ nào trước đây"<sup>2</sup>. Tuy nhiên, trên thế giới vẫn còn nhiều triệu NCT, đặc biệt ở các vùng

nông thôn nghèo tại các quốc gia đang phát triển, chưa được đáp ứng đầy đủ nhu cầu về lương thực, nước, điện sinh hoạt, chăm sóc y tế và an sinh (Emma Daly, 2002).

## 1. Thu nhập và mức sống của NCT ở khu vực các nước phát triển

Nhìn chung, NCT có mức thu nhập thấp hơn so với các nhóm đối tượng khác. Tại các nước công nghiệp hoá, phần lớn NCT đều có bảo hiểm xã hội hoặc lương hưu, thay thế cho một phần thu nhập khi họ còn đang đi làm. NCT tại các quốc gia như Australia, Canada, Pháp, Tây Đức, Netherland và Hoa Kỳ đều có khoản trợ cấp thu nhập phụ thêm. Họ có thể nghỉ hưu với đầy đủ các khoản trợ cấp hưu trí ở tuổi 65.

Nhìn chung, tình hình thu nhập của NCT giảm theo độ tuổi và thay đổi theo cấu trúc hộ gia đình. Tại 6 quốc gia kể trên, thu nhập của các cặp vợ chồng cao tuổi thay đổi nhiều hơn so với những NCT chưa kết hôn và những người sống một mình, đặc biệt là phụ nữ cao tuổi độc thân, một trong những nhóm yếu thế nhất trong xã hội. Họ có mức thu nhập trung bình thấp hơn so với những NCT khác.

<sup>1</sup> United Nations, *Commission on Human Rights, Fifty-fifth session, Item 10 of the Provisional agenda, economic, social and cultural rights*, 29 January 1999.

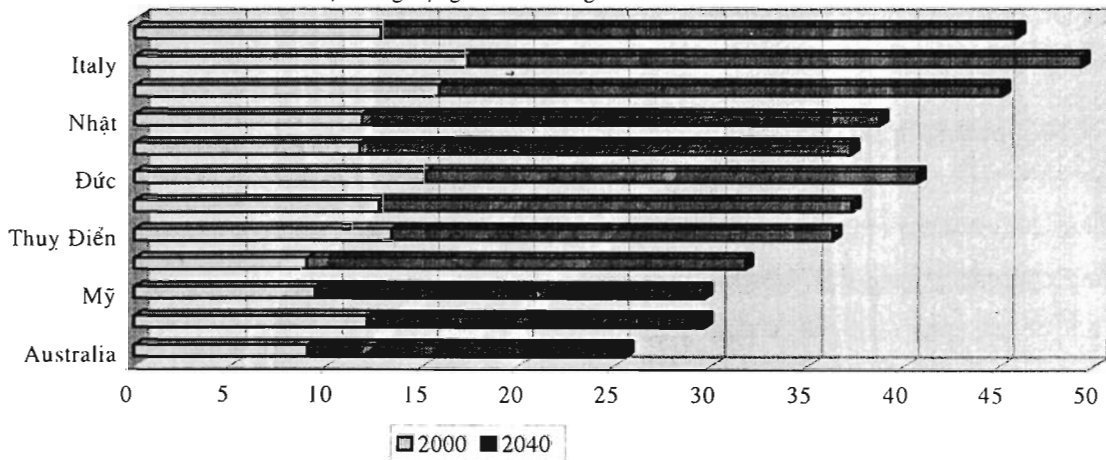
<sup>2</sup> Mr. Annan, General Secretary of United Nations at World Assembly of Ageing II.

Tại Australia, giai đoạn 1981-1985, tỷ lệ hộ gia đình không phải là NCT có thu nhập dưới mức trung bình giảm trong khi số hộ gia đình chỉ có một phụ nữ cao tuổi với thu nhập thấp lại tăng lên. Tại Hoa Kỳ, năm 1986, số hộ gia đình cao tuổi với mức thu nhập thấp cao hơn gấp hai lần so với các hộ gia đình không phải là NCT. Số các cặp vợ chồng cao tuổi sống dưới mức trung bình năm 1986 ở Hoa Kỳ cao hơn gấp 3 lần so với Canada. Các nước Pháp, Thụy Sĩ và Netherland có rất ít hộ gia đình cao tuổi có thu nhập dưới mức trung bình. Đây là một phần kết quả của hệ thống lương hưu tổng thể cung cấp một mức thu nhập thấp nhất cho tất cả những người nghỉ hưu tại Thụy Sĩ và các hệ thống bảo hiểm xã hội chung ở Pháp và Netherland áp dụng cho các mức lương.

Tình hình kinh tế của NCT không chỉ phụ thuộc vào thu nhập mà còn thông qua nhiều nguồn phi thu nhập khác. Thông thường, NCT có tích lũy về nhà ở. Tại Hoa Kỳ, năm 1994, 45% các cặp vợ chồng cao tuổi đã kết hôn và 25% NCT sống độc thân có tài sản trị giá ít nhất là 100.000 USD. Giá trị thực về tài sản của một phần tư NCT sống độc thân khác ít hơn 5.000 USD.

Tại 12 nước gồm Úc, Anh, Mỹ, Canada, Thụy Điển, Bỉ, Đức, Netherland, Nhật, Pháp, Ý, Tây Ban Nha, theo dự báo, phúc lợi công cộng cho NCT vào năm 2040 sẽ tăng gấp đôi so với năm 2000. 13,5% GDP sẽ được dành cho lương hưu, 8,7% cho phúc lợi chăm sóc sức khoẻ và 2,6% cho các chương trình hỗn hợp.

Phúc lợi công cộng dành cho người cao tuổi theo GDP



Tại Nhật và những nước nói tiếng Anh, một bộ phận lớn NCT vẫn tiếp tục làm việc và khoản tiền kiếm được chiếm 41% trong

thu nhập, 26% tại Mỹ, 23% tại Australia và 16% tại Anh. Tuy nhiên, thu nhập từ tài sản nhìn chung quan trọng hơn so với thu nhập

từ công việc, chiếm khoảng từ 20% đến 25% thu nhập đối với NCT có mức thu nhập trung bình ở hầu hết các nước.

## 2. Thu nhập và mức sống của NCT tại khu vực các nước đang phát triển

Tại các nước đang phát triển, quá trình đô thị hoá diễn ra hết sức mạnh mẽ, trong đó dinh dưỡng, bệnh tật và nghèo đói là những vấn đề chính và có ảnh hưởng rất lớn đến người dân đặc biệt là trẻ em, người tàn tật và NCT.

Cũng giống như nhiều quốc gia khác trong khu vực, Phillipine đang trải qua thời kỳ đô thị hoá với số lượng NCT tăng nhanh. Khi dân số cao tuổi tăng, đặc biệt tại những đô thị nghèo, việc xây dựng các công trình y tế, đào tạo nhân viên để chăm sóc NCT ốm yếu, triển khai các quy định xã hội về NCT và các công trình giải trí chưa tương xứng so với nhu cầu của NCT.

Một trường hợp khác ở Indonexia, phần lớn NCT (62,5%) sống cùng con cái của mình. 21,3% sống cùng bạn đời (không sống cùng con cái) và chỉ có 7% sống một mình. Nhìn chung, phần lớn NCT đều nhận được sự giúp đỡ từ con cái và số tiền này chiếm một tỷ lệ lớn trong thu nhập của hộ gia đình cao tuổi và thậm chí còn lớn hơn cả thu nhập cá nhân bình quân. Nhiều NCT ở Indonexia (cả nam và nữ) vẫn tiếp tục hoạt động kinh tế khi họ về già và thời gian làm việc của nam nhiều hơn so với nữ. Nam giới cao tuổi không sống cùng con cái, làm việc trung

bình 34 giờ/tuần, cao hơn so với người sống chung cùng con cái (30 giờ/tuần). Phụ nữ cao tuổi Indonexia làm việc với thời gian trung bình bằng một nửa so với nam giới, 17,6 tiếng/tuần đối với phụ nữ không sống chung với con cái và 13,4 tiếng/tuần đối với người sống chung.

Vấn đề đáp ứng nhu cầu thu nhập của NCT tại các nước đang phát triển có liên quan đến việc cải cách các chương trình lương hưu của các quỹ thuộc khu vực tư nhân cũng như nhà nước. Cải cách việc cung cấp lương hưu là một vấn đề quan trọng, đặc biệt đối với khu vực châu Mỹ Latinh và các nền kinh tế theo mô hình xã hội vì nó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến phần lớn dân số cao tuổi, đặc biệt là người nghèo và yếu thế. Trong thời kỳ khủng hoảng, phần đóng góp của NCT có vai trò đặc biệt quan trọng. Ví dụ, trong những trường hợp xung đột và tại các vùng có người chết bởi HIV cao, NCT luôn giữ vai trò chăm sóc chính đối với những đứa cháu<sup>3</sup>.

Rất ít NCT có thể tự giúp đỡ hoàn toàn cho bản thân bởi thu nhập của mình. Thay vào đó, họ thường dựa vào sự giúp đỡ từ gia đình, tiết kiệm và các chương trình an sinh xã hội công<sup>4</sup>. Các nghiên cứu tại châu Phi, Caribê và Châu Á - Thái Bình Dương cho

<sup>3</sup> Peter Lloyd-Sherlock, *Income Security for poor older people in developing countries*, The Courier No 176, July-August 1999.

<sup>4</sup> World Bank, 1994.

thấy có sự giống nhau về hiểu biết và kinh nghiệm của NCT đối với vấn đề nghèo đói. Ví dụ: *Một trường hợp nghiên cứu miêu tả một phụ nữ cao tuổi, góa chồng và mắt kém, ngụ ở dưới sàn nhà tại nơi coi nời thêm trong gia đình người con trai. Bởi vì con trai của bà không thể chăm sóc bà cũng như gia đình của bản thân anh ta nên bà phải đi ăn xin để kiếm thức ăn với sự giúp đỡ của một đứa trẻ nhỏ tuổi khác cùng làng và bà phải chia một phần số tiền kiếm được cho nó. Mặc dù mắt của bà có thể được phục hồi nhưng không ai đề nghị giúp đỡ bà và tự bản thân bà cũng không nhận ra rằng sự chăm sóc là có sẵn.*

Nghèo đói có một tác động lớn đến khả năng đóng góp cũng như được gia đình giúp đỡ của NCT, tạo nên một tình trạng trong đó nghèo đói được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác. Tất cả các nghiên cứu cho thấy có sự loại trừ theo tuổi và giới và những rào cản khủng khiếp đối với những người thuộc những nhóm tuổi già nhất trong những nỗ lực để duy trì thu nhập, an sinh xã hội và sức khoẻ. Những NCT tham gia vào cuộc nghiên cứu tại Bangladesh, Campuchia, Lào, Ganna và Nam Phi đã bày tỏ mong muốn bắt đầu các kế hoạch về thu nhập của họ. Phần lớn họ không thể tiếp cận được với các khoản tín dụng nhỏ hoặc các khoản vay ưu đãi từ các tổ chức phi chính phủ và các chương trình của chính phủ do các rào cản về tuổi tác hoặc không được đào tạo và thiếu kỹ năng.

Phần lớn NCT tại các quốc gia đang phát triển sống ở nông thôn. Lao động có thể cung cấp một nguồn sống cho những người nghèo, những người không có tài sản hoặc thu nhập. Một yếu tố chính của nghèo đói đối với NCT là khả năng suy giảm đối với lao động và sự loại trừ họ từ thị trường lao động phổ thông. Những NCT góa bụa đã cảm thấy mình là gánh nặng của xã hội. Một nghiên cứu về phụ nữ cao tuổi tại Lima, Peru cho thấy NCT cảm thấy họ trở thành người tiếp nhận một cách thụ động sự giúp đỡ từ những người khác. Theo lời giám đốc của một tổ chức phi chính phủ: *"Thường một phụ nữ cao tuổi, khi được hỏi nếu bà ta "làm việc", sẽ nhận được câu trả lời là "không", thậm chí kể cả khi bà ta dành phần lớn thời gian để bán rau hoặc thức ăn nấu sẵn trên hè phố... Đây là một vấn đề của xã hội rằng kiểu công việc bình thường này không mang lại giá trị mà nó xứng đáng và không được xem như là công việc".*

Nghèo đói có tác động khác nhau đến phụ nữ và nam giới cao tuổi. Đối với phụ nữ, tuổi thọ dài hơn đồng nghĩa với việc số phụ nữ góa bụa sẽ nhiều hơn so với nam giới. Họ luôn phải đối mặt với những bất lợi về vật chất và không được giúp đỡ từ những người thân trong gia đình. Một phụ nữ cao tuổi tại Bangladesh đã nói: *"Chúng tôi nghèo, chúng tôi già, chúng tôi là phụ nữ nên không ai cần chúng tôi. Chúng tôi cô đơn"*. Do vậy, nghèo đói là một yếu tố rủi ro chính đối với phụ nữ cao tuổi, cơ hội tái hôn của họ là rất nhỏ và

sự mất mát về khả năng sinh sản đồng nghĩa với việc mất một chức năng chính trong con mắt của xã hội. Bị người chồng ruồng rẫy và mất quyền thừa kế cũng là những yếu tố rủi ro xô đẩy phụ nữ cao tuổi vào nghèo đói<sup>5</sup>.

### 3. Thu nhập và mức sống của NCT ở một số châu lục trên thế giới

Thu nhập và mức sống của NCT có sự khác nhau theo các khu vực. Tại châu Phi, cụ thể ở Nam Phi, theo kết quả cuộc điều tra về sức khoẻ và phúc lợi kinh tế cho thấy tác động của lương hưu đến sức khoẻ của NCT. Những người hưởng lương hưu với những hạn chế trong các hoạt động hàng ngày có tình trạng sức khoẻ tốt hơn so với những người với cùng những hạn chế đó nhưng không được hưởng lương hưu<sup>6</sup>. Bên cạnh đó, số lượng NCT tàn tật tăng nhanh. NCT tàn tật ở Nam Phi chỉ có thể tiếp cận một cách rất hạn chế các dịch vụ sức khoẻ và xã hội, đặc biệt ở khu vực nông thôn. Các rào cản và hệ thống giao thông công cộng bất lợi khiến cho nhiều người không thể hoặc ít có khả năng tiếp cận<sup>7</sup>.

Cuộc điều tra toàn quốc với cỡ mẫu gồm 4.400 người dân Nam Phi thực hiện vào năm 1990-1991 cho thấy những NCT da đen

Nam Phi và những NCT sống ở khu vực nông thôn thường bị cô lập. Họ cảm thấy rất khó khăn trong việc tiếp cận với giáo dục và kinh tế-xã hội dành cho NCT. Khoảng 2/3 NCT da đen và da màu cho rằng thu nhập của họ không tương xứng so với nhu cầu trong khi tỷ lệ tương ứng chỉ khoảng 22% ở NCT da trắng.

Hầu hết NCT ở Nam Phi tại các khu đô thị hoặc phi đô thị sống trong những hộ gia đình gồm 3 thế hệ và lương hưu xã hội là một phần quan trọng trong ngân quỹ của gia đình. Lương hưu chủ yếu dùng để đáp ứng các nhu cầu cơ bản như lương thực, quần áo và các vật dụng sinh hoạt hàng ngày. Lương hưu xã hội giúp cho NCT sống độc lập và được các thế hệ trẻ hơn trong gia đình kính trọng.

Khả năng tiếp cận với các dịch vụ y tế của NCT ở Nam Phi rất kém. Nhiều rào cản trong việc chăm sóc sức khoẻ như sự thiếu hụt kiến thức hoặc nơi tiếp cận các dịch vụ y tế, khoảng cách đến nơi khám chữa bệnh, không tiếp cận được với các phương tiện giao thông, không thoả mãn với các dịch vụ y tế ở những nơi khám chữa bệnh của Nhà nước. Chính sách chăm sóc sức khoẻ mới tại Nam Phi tập trung vào phụ nữ, trẻ em và thanh niên, nhưng NCT lại không được ưu tiên đề cập đến. Một tỷ lệ cao NCT sống tại những khu định cư mới có sức khoẻ thuộc vào loại kém. Những căn bệnh mãn tính như tiểu đường và cao huyết áp đã không được

<sup>5</sup> *Chronic Poverty and older people in the developing world*, Helpage International, Chronic Poverty Research Centre, Amanda Heslop and Mark Gorman, January 2002.

<sup>6</sup> *Health, Poverty and Inequality*, National Bureau of Economic Research, Research summary Spring 2003.

<sup>7</sup> *Integrated National disability strategy white paper* office of the deputy president, November 1997.

phát hiện cũng như không được điều trị hoặc trong trường hợp nhận được các dịch vụ chăm sóc điều trị thì điều kiện chăm sóc của phòng khám lại rất nghèo nàn. Tại khu vực thành thị, NCT chịu tác động bởi các điều kiện sống về nhà ở nghèo nàn như cấu trúc nhà ở không tương xứng, quá đông đúc và không tiện nghi trong những ngôi nhà đa thế hệ, những xung đột trong gia đình, điều kiện sống không được thoả mãn trong những ngôi nhà quá đông người đều là những sức ép đối với NCT<sup>8</sup>.

Ngược lại với châu Phi, tại các quốc gia châu Âu, già hoá dân số là kết quả của công nghiệp hoá, phát triển kinh tế và mức sống cao. Trước khi dân số già, những quốc gia này đã phát triển một hệ thống bảo hiểm xã hội toàn diện cho NCT. Già hoá là quá trình tự nhiên. Tuy vậy, nhiều nước ở châu Âu vẫn phải đối mặt với các vấn đề trong việc giúp đỡ dân số cao tuổi của họ và cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội. Cụ thể, tại 5 nước Bungary, Cộng hoà Séc, Estonia, Phần Lan và Romania đều có kế hoạch lương hưu cho NCT trong một thời gian dài, đều sửa chữa và cập nhật các kế hoạch lương hưu của mình và một trong những sửa chữa đó là tăng độ tuổi nghỉ hưu. Cả Bungari và Romania đều có tuổi nghỉ hưu là 60 đối với nam và 55 đối với nữ, nhưng Phần Lan và

Estonia muộn hơn 5 năm, trong khi Cộng hoà Séc có tuổi nghỉ hưu là 62 đối với nam, nhưng phúc lợi chỉ được cung cấp cho những ai đến tuổi 65. Mức lương hưu tại Cộng hoà Séc thấp hơn so với 3/4 thu nhập bình quân hàng tháng của dân số nói chung. Tương tự, tại Romania, mặc dù phần lớn NCT (86%) được trợ cấp bởi an sinh xã hội, nhưng 2/3 trong số họ vẫn cho rằng chưa thoả đáng. Tại Scotland, cuộc tổng điều tra về những người từ 60 tuổi trở lên năm 2001 cho thấy 27%, tương đương với 2,6 triệu người, hưởng lương hưu có thu nhập dưới mức thu nhập hộ gia đình trung bình. Theo đo lường về nghèo đói được chính phủ Anh đưa ra, 25% hay 2,3 triệu người hưởng lương hưu ở Anh đang sống trong nghèo túng. NCT trông cậy chính vào lương hưu với 98% nhận lương hưu từ Chính phủ hoặc các khoản phúc lợi đảm bảo quốc gia khác. Về mức độ làm việc, đối với phụ nữ da đen và dân tộc thiểu số, chỉ có 27% công nhân làm việc đủ thời gian và 15% làm việc bán thời gian được bảo hiểm bởi lương hưu của nơi làm việc trước đây. Số lượng hộ gia đình những người hưởng lương hưu ở Anh nhận phúc lợi thử nghiệm trung bình đã tăng từ 37% năm 1999 lên 57% năm 2003. Đối với phụ nữ cao tuổi, gần 1/4 trong số họ thuộc diện cô đơn, một trong những nhóm yếu thế nhất trong xã hội, hưởng lương hưu sống trong nghèo đói. Phụ nữ cao tuổi sống cùng chồng hưởng lương hưu ít hơn 32 Penny/1 bảng Anh so với thu nhập của nam giới. Năm 1999, 85% hộ gia đình NCT

<sup>8</sup> South African Society for parentenal and external nutrition; *Nutrition, Health and Old ages-the case of South African urban elderly.*

hưởng lương hưu sống độc thân và 54% hộ gia đình có NCT ở nhóm tuổi cao hơn có thu nhập thuần ít hơn 10 nghìn bảng/năm. NCT ít có xe con và họ phụ thuộc phần lớn vào giao thông công cộng. Gần 1/3 những người từ 70 tuổi trở lên cho rằng họ gặp phải vấn đề trong việc sử dụng xe buýt bởi sự ốm yếu của mình<sup>9</sup>.

Tại châu Mỹ, cụ thể ở Hoa Kỳ, phần lớn NCT đều muốn sống độc lập đến chừng nào có thể. Trong khi nhiều NCT chỉ yêu cầu những dịch vụ tối thiểu để đảm bảo sự độc lập của mình thì những người nhiều tuổi hơn khác lại phụ thuộc vào những hàng hoá và dịch vụ đặc biệt cho phép họ tồn tại trong cộng đồng. Những dịch vụ này trợ giúp trong việc chăm sóc cá nhân, cung cấp thuốc men, các hoạt động thường ngày và các hoạt động duy trì sức khoẻ. Ngoài ra, các dịch vụ khác được cung cấp cho NCT để duy trì hoặc quay trở về cuộc sống độc lập như các bữa ăn, giữ nhà, giúp đỡ vệ sinh cá nhân và đi lại.

NCT ở nông thôn nghèo hơn so với những người ở thành thị. Năm 2000, 30% NCT ở nông thôn (từ 60 tuổi trở lên) là người nghèo so với 9% ở thành thị. Ở các nhóm tuổi cao hơn, phúc lợi kinh tế có xu hướng giảm dần. Năm 2000, 13% NCT ở nhóm tuổi 60-64 sống ở nông thôn là người nghèo, so sánh với 20% NCT từ 85 tuổi trở lên là người nghèo. Sự khác biệt về nghèo

giữa những NCT ở khu vực thành thị và nông thôn rõ nét hơn ở nhóm tuổi cao nhất. Trong giai đoạn 1990-2000, tỷ lệ nghèo của NCT nhìn chung giảm. Năm 1990, 15% NCT ở nông thôn là người nghèo, đã giảm xuống còn 13% vào năm 2000. Những vùng nông thôn xa xôi nhất có mức độ nghèo cao nhất và mức tăng dân số chậm hơn, do vậy họ thiếu những nguồn lực để đáp ứng các nhu cầu dịch vụ của NCT.

Nghèo phổ biến hơn đối với phụ nữ cao tuổi, những NCT sống cô đơn và những người già nhất. Năm 2000, 15% phụ nữ sống ở nông thôn là người nghèo so với 11% ở nam giới. Ở nhóm tuổi 85, cả nam và nữ đều có tỷ lệ nghèo cao trong đó nữ cao hơn so với nam. Điều này cho thấy sự yếu thế về kinh tế của phụ nữ cao tuổi, đặc biệt trong số những NCT nhất. Những NCT cô đơn nghèo hơn so với những NCT sống cùng bạn đời hoặc với những người khác. Năm 2000, 28% NCT cô đơn ở nông thôn là người nghèo, so sánh với 6% những NCT không thuộc diện cô đơn. ở tuổi 85, gần 1/3 NCT cô đơn ở thành thị là người nghèo.

NCT nhìn chung có thể nhận được nhiều khoản chi trả hơn so với các nhóm tuổi khác như an sinh xã hội, thu nhập an sinh phụ thêm, lương hưu và thu nhập từ tài sản so với thu nhập từ công việc, là khoản thu nhập chính của những người không phải là NCT. Năm 2000, 86% NCT ở khu vực nông thôn từ 60 tuổi trở lên nhận được phúc lợi an

<sup>9</sup> *Lothian Anti Poverty Alliance, People in Poverty, Older people.*

sinh xã hội, so sánh với 81% NCT ở thành thị. Phúc lợi an sinh xã hội là nguồn quan trọng nhất trong thu nhập của NCT, chiếm 40%.

Nhà ở là loại tài sản có giá trị nhất của NCT. Phần lớn NCT sở hữu nhà riêng của mình. Năm 2001, 89% NCT ở khu vực thành thị sở hữu nhà riêng, so với 83% NCT từ 85 tuổi trở lên. Tuy nhiên, NCT ở khu vực nông thôn có xu hướng ít có hoặc không có khoản thế chấp, do đó giá trị nhà ở của họ thấp hơn so với NCT ở thành thị.

Những NCT ở nông thôn có học vấn thấp hơn so với NCT ở thành thị, do vậy họ thường gặp bất lợi hơn về tài chính, có tỷ lệ nghèo cao hơn và mức lương hưu thấp hơn. NCT ở nông thôn phụ thuộc nhiều hơn vào lương hưu an sinh xã hội so với NCT ở thành thị có nhiều nguồn thu nhập khác. Chính vì phụ thuộc duy nhất vào phúc lợi an sinh xã hội nên phần lớn NCT rơi vào hoàn cảnh nghèo hoặc chỉ cao hơn một chút so với ngưỡng nghèo. Phúc lợi an sinh xã hội hàng tháng của những người hưởng lợi từ 65 tuổi trở lên sống ở nông thôn cũng ít hơn so với NCT ở thành thị<sup>10</sup>.

An sinh xã hội là nguồn thu nhập chính của các cặp vợ chồng cũng như cá nhân NCT, chiếm 40% tổng thu nhập hộ gia đình (1992) và ít nhất là một nửa trong tổng thu

nhập của 63% người hưởng lợi. An sinh xã hội đóng góp 26% trong toàn bộ thu nhập của NCT và là nguồn thu nhập duy nhất của 14% NCT ở Mỹ. Nguồn thu nhập chính khác của NCT ở Mỹ là từ tài sản, chiếm 21%; 19% từ lương hưu và 17% từ các hoạt động kiếm sống.

Ở khu vực châu Á, kết quả điều tra ý kiến cộng đồng về tiết kiệm hộ gia đình do Hội đồng Trung ương thực hiện năm 1996 cho thấy thu nhập trung bình của một thành viên trong hộ gia đình NCT từ 70 tuổi trở lên ở Nhật là 1,86 triệu yên; 54,8% thu nhập của NCT từ lương hưu nhà nước (tương đương với lương hưu an sinh xã hội tại Mỹ) và mức tiết kiệm trung bình tương đương của NCT từ 70 tuổi trở lên là 18,87 triệu yên. Đối với hệ thống bảo hiểm quốc gia dành cho những người tự kinh doanh, không giống như hệ thống bảo hiểm dành cho những người làm công ăn lương tại các công ty, hệ thống này chỉ bao trùm một nửa với những nội dung bảo hiểm nghèo nàn.

Tại Hàn Quốc, năm 1997, NCT từ 65 đến 79 tuổi nhận được 35 nghìn Won và 50 nghìn Won đối với những người từ 80 tuổi trở lên. Chương trình Trợ giúp công cộng không yêu cầu sự đóng góp thích hợp nhưng nó nhằm đặc biệt vào những NCT nghèo. Năm 1997, số lượng người nhận được khoản tiền trợ cấp theo chương trình này là 266 nghìn người, chiếm 65% dân số từ 65 tuổi trở lên. Tuy nhiên, khoản tiền trợ cấp này

<sup>10</sup> Economic research service, United States Department of Agriculture; *The economic of food, Farming, natural resources and rural America.*



không đảm bảo mức tối thiểu của thu nhập, thậm chí kể cả những giới hạn thuần túy. Theo Bộ Y tế và Phúc lợi, chi phí sinh hoạt tối thiểu trung bình của một người năm 1996 là 220 nghìn Won được xác định là ngưỡng nghèo. Số phúc lợi lớn nhất mà một người từ 65 tuổi trở lên có thể nhận được là 107.513, bao gồm tiền trợ cấp tuổi già 35 nghìn Won và khoản phúc lợi bổ sung là 72.513 Won từ Chương trình Trợ giúp công cộng, chỉ chiếm 48,9% ngưỡng nghèo chính thức.

Tại nhiều quốc gia ở Đông Nam Á, một số lượng lớn gia đình sống trong nghèo khổ, không có nhà ở, không được cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và giúp đỡ cho những NCT trong gia đình. NCT nghèo tại các vùng nông thôn Nam Á, những NCT có gia đình sống tại những nơi tồi tàn bên cạnh sự tập trung đô thị rộng lớn là những người thường xuyên thiếu sự giúp đỡ và chăm sóc cơ bản. Các nhu cầu của NCT thuộc diện nghèo nhất không được đáp ứng do nghèo đói lan tràn và giới hạn của các nguồn lực phân phối cho các chương trình. Các nhu cầu của các nhóm NCT khác, ví dụ những người thuộc nhóm tuổi rất già hoặc những người tàn tật được gia đình của họ đáp ứng và vì thế không được giải quyết bởi các chương trình. Một loạt các chính sách đề cập đến già hoá như một sự ưu tiên trong giai đoạn ngắn tại các quốc gia này đã bị loại bỏ.

Già hoá dân số từ trước đến nay chỉ được xem như là vấn đề của các quốc gia

phát triển. Nhưng hiện nay, ngày càng có nhiều quốc gia đang phát triển trên khắp thế giới trải qua giai đoạn này, trong đó tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên tăng với một tốc độ rất nhanh. Ví dụ, Malayxia với GNP từ 1.000-2.000 USD/NCT và tỷ lệ NCT chỉ chiếm có 5,8% dân số thì Thái Lan và Indonexia với GDP của họ vào khoảng 500-1.000 USD có tỷ lệ dân số cao tuổi là 6,2% và 6,3%. Trung Quốc và Srilaka với GNP thấp hơn 500 USD, có tỷ lệ NCT là 8,9% và 8,0%<sup>11</sup>.

Tại Trung Quốc, hệ thống phúc lợi xã hội được thiết lập bởi chính phủ, cung cấp các quỹ nhằm đảm bảo cuộc sống cho NCT, trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ và những người thực sự có hoàn cảnh túng quẫn. Để đảm bảo quyền và lợi ích cho những nhóm đối tượng đặc biệt này, Chính phủ đã ban hành Luật về Quyền và Lợi ích của NCT. Bộ luật quy định tại các thành phố, NCT goá không có con cái, không có sự giúp đỡ và sống cô đơn sẽ được giúp đỡ và sinh sống trong những ngôi nhà tập trung đặc biệt<sup>12</sup>. Năm 1997, Chính phủ Trung Quốc đã thông qua quyết định thành lập hệ thống bảo hiểm tuổi già cơ bản đồng đều cho những người làm công ăn lương tại các xí nghiệp. Tất cả những người làm công ăn lương tại các doanh nghiệp ở khu vực đô thị có thể tham gia vào chương trình bảo hiểm tuổi già cơ bản và tất cả các

<sup>11</sup> Asian Development Bank, 1988; and ESCAP, 1990.

<sup>12</sup> *Labour and Social Security in China*.

doanh nghiệp và nhân viên tại các thành phố và thị xã có nghĩa vụ trả những khoản phí bảo hiểm tuổi già cơ bản. Những người làm công ăn lương tham gia vào chương trình bảo hiểm tuổi già đã tăng từ 86,71 triệu người vào cuối năm 1997 lên 108,02 triệu người vào năm 2002. Số lượng người hưởng lương hưu cơ bản tuổi già cũng đồng thời tăng lên từ 25,33 triệu người lên 33,81 triệu người với mức lương hưu cơ bản hàng tháng của một người tăng từ 430 lên 556 NDT. Từ 1998 đến 2002, khoản kinh phí trợ cấp từ tài chính trung ương đã thu được tổng cộng 86,1 tỷ NDT.

Riêng đối với hệ thống lương hưu của Trung Quốc, vào tháng 7 năm 1997, Hội đồng Quốc gia đã thông qua văn kiện số 26 về việc thành lập hệ thống bảo hiểm lương hưu tuổi già cơ bản, thống nhất đối với các nhân viên và công nhân của các doanh nghiệp nhà nước. Hệ thống lương hưu thống nhất mới này đã được bắt đầu thực hiện vào năm 1999. Theo hệ thống mới, nhân viên phải đóng góp 4% ban đầu trong lương tháng của họ để dành cho lương hưu và sẽ tăng 1% trong chu kỳ 2 năm cho đến khi đạt đến 8%.

Tại Hồng Kông, phần lớn NCT thiếu một khoản thu nhập ổn định từ lương hưu. Vào cuối năm 1991, khoảng 60 nghìn NCT phụ thuộc vào sự giúp đỡ của cộng đồng và phần lớn họ đều là NCT cô đơn và yếu thế. Các dịch vụ phúc lợi cung cấp cho NCT ở Hồng Kông được điều hành bởi các tổ chức

phi chính phủ với sự tài trợ phần lớn từ Chính phủ. Chính phủ điều hành một kế hoạch an sinh xã hội, cung cấp khoản trợ cấp cho những người từ 65 tuổi trở lên và sự giúp đỡ cộng đồng cho những NCT thuộc diện nghèo.

Tại Thái Lan, phần lớn NCT (72,2%) sở hữu đất và nhà ở với khoảng 5,3% sống cùng người thân. Khoảng 1/5 (18,5%) không có tài sản cá nhân, họ phải thuê nhà ở. NCT Thái Lan có nhiều nguồn thu nhập và nguồn thu nhập chính của họ là từ sự giúp đỡ của con cái, lương hưu, lãi suất và tiền tích góp. Nghiên cứu về thu nhập của NCT trong mối liên hệ với các chi phí cho thấy phần lớn NCT có sự cân bằng giữa thu nhập và chi phí (44,9%), 1/4 (26,5%) có thu nhập ít hơn so với chi phí và 14,0% có thu nhập cao hơn chi phí. Tuy nhiên, 13,0% NCT cần có sự giúp đỡ lớn từ người khác. Mức độ chênh lệch về thu nhập của NCT không có sự khác biệt lớn giữa hai khu vực thành thị và nông thôn. Đối với tỷ lệ NCT có thu nhập bằng chi tiêu, mức độ chênh lệch giữa thành thị và nông thôn là 1,1 lần. Ở các mức độ khác, chênh lệch này cao hơn. Về mức độ chênh lệch thu nhập cao hơn nhiều so với chi tiêu, khu vực thành thị gấp 2,1 lần so với nông thôn. Đối với mức thu nhập ít hơn nhiều so với chi tiêu, mức độ chênh lệch ở nông thôn cao hơn gấp 1,9 lần so với khu vực thành thị.